

BIỂU ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NSDP NĂM 2026

(Kèm theo Tờ trình số 133/TTr-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2026 của UBND xã Pu Sam Cáp)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán trước khi điều chỉnh	Dự toán điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh	GHI CHÚ
			Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)		
	TỔNG THU NSDP	119.906	-	520	120.426	
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	1.005	-	752	1.757	
	<i>NSDP được hưởng</i>	962	-	520	1.482	
I	Thu nội địa	1.005	-	752	1.757	
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	350			350	
2	Lệ phí trước bạ	500			500	
3	Thuế thu nhập cá nhân	25			25	
4	Thu phí, lệ phí	20	0	0	20	
-	<i>Ngân sách xã hưởng</i>	20			20	
5	Thu tiền sử dụng đất	100	0	752	852	
-	<i>Ngân sách trung ương hưởng</i>	15		113	128	
-	<i>Ngân sách tỉnh hưởng</i>	26		119	145	
-	<i>Ngân sách xã hưởng</i>	59		520	579	
8	Thu khác ngân sách	10	0	0	10	
-	<i>Ngân sách trung ương hưởng</i>	2			2	

-	Ngân sách xã hưởng	8			8	
B	THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	118.944	-	-	118.944	
1	Thu bổ sung cân đối	118.561			118.561	
2	Bổ sung có mục tiêu	383			383	
3	Bổ sung thực hiện các CTMTQG					

Biểu số 02

BIỂU ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NSDP NĂM 2026

(Kèm theo Tờ trình số 133 /TTr-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2026 của UBND xã Pu Sam Cáp)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán trước khi điều chỉnh	Dự toán điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh	Ghi chú
			Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)		
	Tổng số chi NSDP	119.906	-	520	120.426	
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	119.523	-	520	120.043	
I	Chi đầu tư phát triển	59		520	579	
II	Chi thường xuyên	115.598	-	-	115.598	
1	Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề	71.165			71.165	
2	Chi quốc phòng	1.024			1.024	
3	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	824			824	
4	Chi sự nghiệp văn hóa, thể thao - truyền thông	773			773	
5	Chi sự nghiệp môi trường	400			400	
6	Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	21.635			21.635	
7	Chi bảo đảm xã hội	7.813			7.813	
8	Chi sự nghiệp kinh tế khác	2.246			2.246	
9	Kinh phí chưa phân bổ cho tiết	9.718			9.718	
III	Dự phòng ngân sách	2.458			2.458	
IV	Nguồn kinh phí tiết kiệm thực hiện CCTL	1.408			1.408	
B	CHI THỰC HIỆN CÁC CTMT	383	-	-	383	
I	Chi chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	383	-	-	383	

1	Kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng	383			383	
---	--	-----	--	--	-----	--